TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2022/QĐST-HNGĐ	*M , ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1999.

HKTT: Tổ dân phố Lường, phường B , thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố L, phường P, thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình K , sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường B , thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 16/8/2019.

Đại diện theo pháp luật của cháu D: Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1999.

Đều có HKTT: Tổ dân phố L, phường B , thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố L, phường P, thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Nguyễn Đình K .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Nguyễn Đình K thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Nguyễn Đình K xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 16/8/2019. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu cháu D thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh K thoả thuận thống nhất anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con chung, chị D, anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh K có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Nguyễn Đình K đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng*)* án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013069 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã M ;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M ;
- Phòng KTNV và THA–TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh